TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2022/DS-ST
Ngày 26-10-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, Sinh năm: 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C .

- *Bị đơn:* 1. Ông Mai Văn T, Sinh năm: 1968 (có mặt)

2. Bà Phan Tích X (Phan Ánh X) Sinh năm: 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Thanh S, Sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C .; Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H (Văn bản ủy quyền ngày 18/8/2022) (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị D, Sinh năm: 1955 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C ..

3. Bà Phan Thị N, Sinh năm: 1972 (có mặt)

4. Ông Trần Văn Q, Sinh năm: 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2022 và quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 12/12/2007 (âl) ông Mai Văn T và bà Phan Ánh X hỏi vay của bà 30 lượng 24k, lãi suất 01 chỉ vàng 40 ngàn đồng không làm biên nhận, phía ông T, bà X đóng cho bà khoảng 4 đến 5 tháng số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ, sau đó không đóng lãi nữa, một thời gian sau bà mới biết ông T, bà X hỏi số vàng này dùm ông Trần Văn Q, bà Phan Thị N, nên bà mới đến gặp ông T yêu cầu ông T làm giấy vay vàng. Thời điểm bà yêu cầu ông T làm giấy vay vàng có mặt vợ chồng ông Q, bà N. Ông Q, bà N cùng ông T, bà X hai bên thỏa thuận mượn đất của bà cố cho bà Nguyễn Thị D số vàng 37 chỉ vàng 24k (trong đó có 30 chỉ vàng 24k ông T, bà X vay ban đầu, 07 chỉ vàng 24k là số tiền lãi quy ra đến thời điểm làm giấy). Các bên thõa thuận cố đất cho bà D, giá cố 37 chỉ vàng 24k, ngoài ra bà D không đưa khoảng vàng nào khác cho bà, bà thuê lại phần đất đã cầm cố cho bà D 40 giạ lúa/01 năm, phần lúa này đóng hàng năm thì vợ chồng ông T, bà X phải có trách nhiệm trả số lúa này, nhưng phía ông T, bà X không đong lúa hàng năm cho bà D mà bà là người đong lúa cho bà D tổng số lúa đến thời điểm khởi kiện 890 giạ lúa. Đến ngày 04 tháng 9 năm 2009 ông T có trả cho bà 19 chỉ vàng 24k và sau đó ông T đưa cho bà số tiền 17.000.000 đồng có quy ra 05 chỉ vàng 24k đây là số vàng lãi mà vợ chồng ông T đã trả cho bà.

Hiện tại phần đất vợ chồng ông T, vợ chồng ông Q mượn bà cố cho bà Nguyễn Thị D bà đang quản lý, sử dụng. Nay bà yêu cầu ông T, bà X trả cho bà số vàng còn thiếu 18 chỉ vàng 24 k và số tiền 89.300.000 đồng.

- Ông Mai Văn T trình bày: Trước đây ông có vay của bà Nguyễn Thị H là vay dùm ông Trần Văn Q, bà Phan Thị N số vàng 03 lượng vàng 24k lãi suất bao nhiêu thì ông không biết, vì vợ ông là người nhận vàng của bà H, số vàng 3 lượng vàng 24k ông đã đưa vợ chồng ông Q, bà N. Vài tháng đầu thì vợ chồng ông Q đưa tiền lãi cho vợ chồng ông để trả cho bà H bao nhiêu thì không nhớ vì thời gian đã lâu, sau khoảng 01 năm vợ chồng ông với bà H, ông Q, bà N thõa thuận với nhau ông giao trách nhiệm trả 03 lượng vàng 24k cho bà Nguyễn Thị H là của ông Q, bà N, ông không còn trách nhiệm gì đối với bà H về số vàng này, hàng tháng vợ chồng ông Q là người trực tiếp trả lãi cho bà H. Sau một thời gian thì ông Q, bà N đã trả trực tiếp cho bà H 19 chỉ vàng 24k.

Còn việc bà H cho rằng ông cùng ông Q mượn đất của bà H để cố cho bà Nguyễn Thị D là không có, ông không có viết và ký tại văn bản có ghi nội dung mượn đất của bà H cố cho bà D do bà H cung cấp cho Tòa án.

Ông và ông Q hùn chơi hụi khi mãn hụi thì ông Q được số tiền hụi 17.000.000 đồng, ông Q có nhờ ông đưa số tiền này cho bà H quy ra 05 chỉ vàng 24k để ông Q trừ số vàng đã vay. Số tiền này vợ chồng ông và vợ chồng ông Q không có tranh chấp, không yêu cầu gì.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà H vợ chồng ông không đồng ý.

Bà Phan Ánh X trình bày: Bà thống nhất trình bày của chồng bà ông T. Bà trình bày bổ sung, bà là người nhận 03 lượng vàng 24k từ bà H và đã giao lại cho vợ chồng ông Q, bà N. Khi bà nhận vàng từ bà H có lãi suất bao nhiêu thì bà không nhớ vì thời gian đã lâu. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H vợ chồng bà không đồng ý. Việc bà H cho rằng vợ chồng bà mượn đất của bà H để cố đất cho bà D là không có.

Bà không có ký tại văn bản có ghi nội dung mượn đất của bà H cố cho bà D do bà H cung cấp cho Tòa án.

Ông Trần Văn Q trình bày: Trước đây thời gian nào thì ông không nhớ, ông có nhờ ông T, bà X hỏi bà Nguyễn Thị H số vàng 30 chỉ vàng 24k, có lãi nhưng lãi suất bao nhiêu thì ông không nhớ. Sau đó giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông T và bà H có thõa thuận lại vợ chồng ông nhận trách nhiệm trực tiếp trả số vàng vợ chồng ông nhờ vợ chồng ông T vay của bà H, thỏa thuận này chỉ nói miệng không có làm văn bản gì. Vợ chồng ông đã trả lãi cho bà H nhiều lần nhưng không nhớ tổng số tiền bao nhiêu. Vợ chồng ông đã trả vốn vay cho bà H 02 lần, lần thứ nhất số vàng 19 chỉ vàng 24k và lần thứ hai 05 chỉ vàng 24k (số vàng 05 chỉ vàng 24k quy ra từ số tiền 17.000.000 đồng là tiền hụi hùn với ông T đã mãn, ông có nhờ ông tích đưa số tiền này cho bà H) để trừ nợ vay. Hiện tại vợ chồng ông chỉ còn thiếu bà H 6 chỉ vàng 24k và đồng ý trả số vàng này. Việc bà H cho rằng vợ chồng ông có mượn đất của bà H cầm cho bà D là không có.

Bà Phan Thị N trình bày: Bà thống nhất với ý kiến trình bày của chồng bà là ông Q.

Bà Nguyễn Thị D trình bày: Trước đây vào ngày 12/7/2006 vợ chồng bà H, ông Trần Thanh S có hỏi vay vàng của bà 33 chỉ vàng 24k, lãi suất 40.000 đồng/mỗi chỉ/mỗi tháng. Phía vợ chồng bà H đã đóng lãi đến ngày 12/9/2006 thì không đóng lãi nữa. Sau đó vào ngày 4/6/2007 vợ chồng bà H, ông Trần Thanh S có hỏi của bà thêm 02 chỉ vàng 24k tổng 35 chỉ vàng 24k và không đóng lãi nữa bà quy ra tiền lãi thành 2 chỉ vàng 24k tổng là 37 chỉ vàng 24k. Khi hỏi vàng thì có mặt vợ chồng bà H, có làm biên nhận vay vàng do ông Trần Thanh S là chồng bà H viết và ký tên.

Sau đó vợ chồng bà H, ông S không đóng lãi bằng tiền nữa cho bà và gặp bà thõa thuận nói với bà không có khả năng đóng lãi nữa, vợ chồng bà H tính như cố đất giá cố 37 chỉ vàng 24k (số vàng này là số vàng vay 35 chỉ vàng và 02 chỉ vàng lãi) hàng năm vợ chồng bà H đong lúa cho bà mỗi lượng vàng 24k bằng 40 giạ lúa, thật tế giữa bà với vợ chồng bà H không có việc cầm cố đất và cho thuê lại mà số vàng này là vàng vay, quy ra lãi bằng lúa. Phía bà H, ông S đã đong lúa đầy đủ cho bà từ năm 2007 đến năm 2022 bà có ký nhận lúa của bà H như danh sách đông lúa bà H cung cấp cho Tòa án.

Việc bà H thõa thuận với vợ chồng ông T, vợ chồng ông Q cố đất như thế nào thì bà không biết và bà không có tham gia, bà không có cố đất từ vợ chồng ông T, ông Q mượn đất bà H cố cho bà.

Phía bà H đã trả cho bà được 19 chỉ vàng 24k, đến nay thì phía vợ chồng bà H chưa trả bà khoản vàng vay nào khác.

Trong vụ án tranh chấp giữa bà H với vợ chồng ông T, vợ chồng ông Q bà không có liên quan gì. Hiện tại giữa bà với vợ chồng bà H không có tranh chấp, bà không có yêu cầu vợ chồng ông H trả vàng vay. Sau này giữa bà với vợ chồng bà H có tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Bà xác định việc thỏa thuận giữa bà H và vợ chồng ông T, vợ chồng ông Q bà không biết và không có tham gia.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Yêu cầu vợ chồng ông T, bà X trả 18 chỉ vàng 24k và 89.300.000 đồng.

Ông Mai Văn T, bà Phan Ánh X cùng trình bày: Vợ chồng ông xác định có vay vàng bà H dùm vợ chồng ông Q, bà N nhưng giữa vợ chồng ông bà và bà H và vợ chồng ông Q đã thỏa thuận vợ chồng ông Q nhận trách nhiệm trả vàng cho bà H, vợ chồng ông không còn trách trả khoảng vay cho bà H, nên không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Ông Trần Văn Q và bà Phan Thị N cùng trình bày: Đồng ý trả cho bà H 6 chỉ vàng 24k mà vợ chồng ông nhờ vợ chồng ông T vay bà H, đồng ý trả lãi và yêu cầu xem xét lại lãi suất theo quy định.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Mai Văn T và bà Phan Ánh X trả 18 chỉ vàng 24k và 89.300.000 đồng.

Án phí đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân

huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Vắng mặt đương sự: Bà Nguyễn Thi D đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D là đúng quy định.

- Về nội dung:

[3] Về nội dung vụ án: Bà H trình bày vào năm 2007 (âl) ông Mai Văn T và bà Phan Ánh X hỏi vay của bà 30 chỉ 24k, lãi suất 01 chỉ vàng 40 ngàn đồng/tháng không làm biên nhận, phía ông T, bà X đóng lãi cho bà khoảng 4 đến 5 tháng số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ, sau đó không đóng lãi nữa, một thời gian sau bà mới biết ông T, bà X hỏi số vàng này dùm ông Trần Văn Q, bà Phan Thị N, nên bà mới đến gặp ông T yêu cầu ông T làm giấy vay vàng. Thời điểm bà yêu cầu ông T làm giấy vay vàng có mặt vợ chồng ông Q, bà N. Ông Q, bà N cùng ông T, bà X hai bên thõa thuận mượn đất của bà cố cho bà Nguyễn Thị D số vàng 37 chỉ vàng 24k (trong đó có 30 chỉ vàng 24k gốc, 07 chỉ vàng 24k là số tiền lãi quy ra đến thời điểm làm giấy), bà thuê lại phần đất đã cầm cố cho bà D 40 giạ lúa/01 năm/01 lượng vàng 24k, phần lúa này đóng hàng năm thì vợ chồng ông T, bà X phải có trách nhiệm trả số lúa này, nhưng phía ông T, bà X không đong lúa hàng năm cho bà D mà bà là người đong lúa cho bà D tổng số lúa đến thời điểm khởi kiện 890 giạ lúa. Đến ngày 04 tháng 9 năm 2009 ông T, bà X có trả cho bà 19 chỉ vàng 24k và sau đó ông T đưa cho bà số tiền 17.000.000 đồng có quy ra 05 chỉ vàng 24k đây là số vàng lãi mà vợ chồng ông T đã trả cho bà. Nay bà yêu cầu ông T, bà X trả cho bà số vàng còn thiếu 18 chỉ vàng 24 k và số tiền 89.300.000 đồng. Ông T, bà X cho rằng trước đây vợ chồng ông bà có vay vàng của bà H 30 chỉ vàng 24k dùm ông Q, bà N, sau đó giữa vợ chồng ông bà, vợ chồng ông Q và bà H thỏa thuận vợ chồng ông Q là người có trách nhiệm trả số vàng vay của bà H, bà H cho rằng vợ chồng ông và vợ chồng ông Q mượn đất của bà H cố cho bà D là không có, do đó không đồng ý và các bên xãy ra tranh chấp.

[4] Ông Q xác định năm 2007 vợ chồng ông có nhờ vợ chồng ông T, bà X vay 30 chỉ vàng 24k của bà H dùm vợ chồng ông, lãi suất 400.000 đồng/tháng/01 lượng. Ông đã đóng lãi cho bà H khoảng 15 tháng thì không đóng lãi nữa, sau đó giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông T và bà H thỏa thuận vợ chồng ông nhận trách nhiệm trả nợ cho bà H số vàng 30 chỉ vàng 24k, nên bà H yêu cầu ông viết nội dung mượn đất của bà H cố cho bà D giá 37 chỉ vàng 24k, thực tế là không có, ông đồng ý trả cho bà H số vàng còn thiếu 6 chỉ vàng 24k.

[5] Bà Nguyễn Thị D cho rằng giữa bà với bà H, vợ chồng ông T, vợ chồng ông Q không có việc thỏa thuận vợ chồng ông T, vợ chồng ông Q mượn đất của bà H cố cho bà 37 chỉ vàng 24k và bà cho bà H thuê lại.

[6] Hội đồng xét xử thấy rằng năm 2007 bà H có cho vợ chồng ông T vay 30 chỉ vàng 24k là thực tế có xãy ra được các bên thừa nhận. Tuy nhiên sau đó giữa bà H và vợ chồng ông T, vợ chồng ông Q có thỏa thuận vợ chồng ông Q nhận trách nhiệm trả số vàng mà vợ chồng ông Q nhờ vợ chồng ông T vay dùm bà H 30 vàng

24k. Trong quá trình giải quyết lời khai của bà H không thống nhất, có lúc bà H cho rằng có việc thỏa thuận giữa các bên vợ chồng ông Q nhận trách nhiệm trả cho bà 30 chỉ vàng mà vợ chồng ông T vay của bà, có lúc bà xác định việc thỏa thuận này bà không đồng ý. Quá trình giải quyết các đương sự đều thừa nhận năm 2009 thì vợ chồng ông Q có trả cho bà H 19 chỉ vàng 24k có viết biên nhận, biên nhận do bà H cung cấp. Như vậy lời trình bày của vợ chồng ông T, vợ chồng ông Q phù hợp các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có việc chuyển giao nghĩa vụ từ vợ chồng ông T sang vợ chồng ông Q có trách nhiệm trả số vàng mà vợ chồng ông T vay của bà H dùm vợ chồng ông Q số vàng 30 chỉ vàng 24k. Trường hợp giữa bà H, ông Q, bà N không thỏa thuận được phát sinh tranh chấp thì bà bà H có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác.

[7] Việc bà H cho rằng năm 2007 vợ chồng ông T, bà X mượn đất của bà cố cho bà D giá cố 37 chỉ vàng 24k và cho bà thuê là là thực tế không xãy ra mà phát sinh từ việc bà H cho vợ chồng ông T vay vàng.

[8] Từ phân tích trên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H yêu cầu ông T, bà X trả số vàng 18 chỉ vàng 24k và 89.300.000 đồng.

[9] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhận định phù hợp với Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

[10] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H nên bà H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền: 9.046.000 đồng (((18 chỉ vàng 24k x 5.090.000 đồng/chỉ = 91.620.000 đồng) + 89.300.000 đồng) x 5% = 9.046.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Mai Văn T, bà Phan Tích X (Phan Ánh X) trả 18 chỉ vàng 24k và 89.300.000 đồng.

2. Về án phí: Án phí sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị H phải chịu 9.046.000 đồng. Ngày 11/7/2022 bà Nguyễn Thị H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 4.662.000 đồng biên lai thu số 0005111 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đối trừ, bà H còn phải nộp tiếp 4.384.000 đồng.

3. Án sơ thẩm xét xử công khai: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt

được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo luật định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Len